TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHS** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2022
(V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHS, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại hội trường xét xử TAND thị xã NghS, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST – HNGĐ ngày 24/3/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị L – Sinh năm 1994

Nơi ĐKTT: Thôn ThN, xã HNh, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn XNg, xã XL, huyện ThX, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Anh Mai Xuân T – Sinh năm: 1984

Nơi ĐKTT và nơi ở hiện nay: Thôn ThN, xã HNh, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa

(Cả chị L và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Lương Thị L trình bày:

Chị và anh Mai Xuân T cùng đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, anh chị quen nhau và sau một thời gian tìm hiểu thì quyết định đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã HNh, huyện TG, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã HNh, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 05/9/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự

nguyện. Sau khi cưới, thời gian đầu hai vợ chồng vẫn sinh sống và làm việc tại Bình Dương, chị L làm công nhân của công ty giày da, còn anh T làm lao động tự do nhưng sau đó thì anh chị chuyển về quê anh T tại xã HNh, thị xã NghS sinh sống. Chị L cho rằng thời gian anh chị có cuộc sống hạnh phúc là rất ngắn sau đó thì liên tục nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L phát hiện anh T rượu chè, bài bạc nên không còn chăm lo cho gia đình, vợ con. Từ đó hai vợ chồng bắt đầu có những bất đồng quan điểm. Từ khoảng tháng 8/2017 thì chị L quyết định để con lại cho anh T chăm sóc, còn chị về nhà bố mẹ đẻ tại xã XL, huyện ThX sinh sống. Vợ chồng sống ly thân nhau kể từ thời gian đó đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T không còn nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Xuân T.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2022, bị đơn là anh Mai Xuân T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh T cho rằng cuộc sống vợ chồng của anh chị không có mâu thuẫn gì cho đến năm 2017 anh không may bị tai nạn và phải ngồi xe lăn. Kể từ đó thì chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, để con gái lại cho anh nuôi, anh và chị L không còn liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về phần mình, anh T cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L nữa nên anh đồng ý ly hôn.

2.Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu: Mai Ngọc B – Sinh ngày: 09/7/2012. Hiện nay, cháu B đang ở với bố. Hiện tại cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu B có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Nguyện vọng của chị L khi ly hôn: giao cháu B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị dồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, mức cấp dưỡng là 1.000.000^{đ}/tháng.

Nguyện vọng của anh T khi ly hôn: Xin được tiếp tục nuôi cháu B và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản và công nợ: Chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quan điểm của đại điện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NghS tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51; 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 28; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị L.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Mai Xuân T.

- Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận nguyện vọng của chị L về việc chị chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản và công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn đối với bị đơn anh Mai Xuân T, anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn ThN, xã HNh, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa thụ lý và giải quyết đơn xin ly hôn của chị Lương Thị L là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được và việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo mở phiên hợp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho các đương sự. Tuy nhiên, anh T đã không đến Tòa để tham gia hòa giải. Cho rằng việc sống ly thân nhau đã lâu, bản thân chị L lại kiên quyết ly hôn nên sau đó chị đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Xét thấy, vụ án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Cả nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn xin được xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị L và anh Mai Xuân T là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ anh chị tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/9/2011 tại UBND xã HNh, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa và thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo phong tục tập quán của địa phương..

Sau khi kết hôn, hai anh chị cũng đã có khoảng thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, chị L cho rằng, kể từ khi chị phát hiện anh T thường xuyên bài bạc, rượu chè nên vợ chồng sinh ra mâu thuẫn, xích mích rồi chị đã dần mất tình cảm với anh. Đó là lý do để chị quyết định sống ly thân với anh T kể từ giữa năm 2017 đến nay. Và hiện tại, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về phía anh T, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh từ chối tham gia hòa giải theo lịch của Tòa án. Tuy nhiên, quan điểm của anh cũng thống nhất ly hôn. Lý do anh cho rằng kể từ năm 2017 khi anh bị tai nạn giao thông và phải ngồi xe lăn thì chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, tình cảm vợ chồng kể từ đó cũng đã trở nên nguội lạnh.

Thiết nghĩ, vợ chồng chung sống với nhau điều quan trọng nhất là cần phải có tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ những khó khăn cho nhau lúc cần. Nhưng với chị L và anh T thì điều đó đã không xảy ra. Cả hai anh chị cũng đều thừa nhận không còn yêu thương nhau nữa nên việc chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn với anh T cũng là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu: Mai Ngọc B – Sinh ngày: 09/7/2012. Hiện nay, cháu B đang ở với anh T. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L có nguyện vọng để cho cháu B được tiếp tục ở với bố và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T. Về phía anh T, anh cũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu B và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Thực tế thì cháu B đang ở với bố ổn định và được ăn học đầy đủ, phát triển bình thường, cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Do vậy, nghĩ cần chấp nhận nguyện vọng của chị L, giao cháu B cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T có nguyện vọng không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung mặc dù đây hoàn toàn là ý chí tự nguyện của anh, không bị ép buộc. Tuy nhiên, xét thấy anh T dù được sự hỗ trợ, giúp đỡ chủ yếu của bố mẹ và gia đình anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B (Bố con anh hiện ở với ông bà nội), nhưng việc cấp dưỡng là nhằm đảm bảo quyền lợi cho

con của anh nên nghĩ cần chấp nhận đề nghị tự nguyện cấp dưỡng của chị L là hợp pháp.

Về mức cấp dưỡng, chấp nhận đề nghị của chị L về mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và công nợ: Quá trình giải quyết vụ án, cả chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Mai Xuân T.

- Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T 1.000.000đ/tháng *(Một triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Án phí: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0012088 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa. Chị L còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên bố các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án..

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã NghS;
- Chi cục THADS thị xã NghS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga